

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 486/2024/HNGĐ
Ngày 30/9/2024
Về việc tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Thanh

Bà Nguyễn Thị Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân quận B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị
Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 329/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2024/QĐ-ST ngày 29/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/ 2024/QĐ – ST ngày 13/9/2024 , giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Y, sinh năm 1998

HKTT+ cư trú: TDP T, phường T, quận B, Thành phố H.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Chu Văn H, sinh năm 1991

HKTT+ cư trú: Số nhà 8, ngách 54/36 đường T, TDP T, phường T, quận B, Thành phố H

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Phan Thị Y trình bày:**

Chị Phan Thị Y và anh Chu Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận B, thành phố H ngày 16/10/2019.

Trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng chị không hoà thuận, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm, cách sống, vợ chồng không hoà hợp. Ngoài ra, anh H còn chơi bời cờ bạc, sử dụng chất kích thích, nhiều lần đã đánh chị, đuổi chị về gia đình ngoại gia đình chị đã nhiều lần động viên để chị về hàn gắn ở cùng anh H nhưng anh H vẫn chứng nào tật ấy, không thay đổi cách sống. Tháng 3/ 2024, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Chu Văn L, sinh ngày 05/01/2016. Hiện tại cháu L đang ở cùng anh H và gia đình anh H, do chị không có nơi cư trú ổn định nên chị đề nghị giao con cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hàng tháng chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng từ tháng 10/2024 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản, nhà đất, công nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Bị đơn là anh Chu Văn H không đến Tòa án nên không có lời khai.**

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên ý kiến như trên, không có yêu cầu gì khác. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không có ý kiến trình bày tại phiên tòa.

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án.

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thụ lý và trình tự đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị Y đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị Phan Thị Y và anh Chu Văn H đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận B, Thành phố H ngày 16/10/2019 trên cơ sở tự nguyện, có qua tìm hiểu nhau. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hoà hợp, chị Y đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn H phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Y đối với anh Chu Văn H là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y.

Về con chung: hai bên có 01 con chung là Chu Văn L, sinh ngày 05/01/2016.(Con chung sinh trước khi anh chị đăng ký kết hôn) Hiện đang ở cùng anh Hạnh, chị Y không có nơi ở ổn định nên HĐXX giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/ tháng nên ghi nhận.

Về tài sản, nhà đất, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Từ các nhận định trên, đề nghị HĐXX:

Căn cứ: Điều 28, 35, 39 BLTTDS 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Y đối với Anh Chu Văn Hạnh. Chị Y được ly hôn với anh Hạnh.

- Về con chung: Giao cháu Chu Văn Long, sinh ngày 05/01/2016 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/ tháng, kể từ tháng 10/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Y có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, công nợ chung: Không xem xét – do không có yêu cầu
- Về án phí: Chị Phan Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: anh Chu Văn H có HKTT+ cư trú tại số nhà 8, ngách 54/36 đường T, TDP T, phường T, quận B, Thành phố H, chị Y có đơn xin ly hôn với anh H, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự,

[2]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho anh Chu Văn H nhưng anh H không đến Tòa làm việc, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Chị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt chị Y, anh H là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung: Chị Phan Thị Y và anh Chu Văn H đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận B Thành phố H ngày 16/10/2019, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Thể hiện tình trạng vợ chồng giữa chị Y, anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Chị Y có đơn xin ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y đối với anh H là phù hợp với thực tế và pháp luật.

- Về con chung: Chị Y, anh H có 01 con chung là: Chu Văn L, sinh ngày 05/01/2016. (Con chung được sinh trước khi anh chị đăng ký kết hôn nhưng đã được đăng ký khai sinh theo quy định). Quá trình giải quyết vụ án, chị Y đề nghị để anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vì chị Y không có nơi ở ổn định, hàng tháng chị Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/ tháng kể từ tháng 10/ 2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Xét việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cần xem xét đến điều kiện thực tế, để đảm bảo cho đứa trẻ được nuôi dưỡng, phát triển trong điều kiện tốt nhất. Tuy anh H không đến Tòa án, không có lời khai, Tòa án đã tiến hành xác minh thì thực tế anh H đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, mặt khác cháu L cũng có nguyện vọng ở cùng bố. Vì vậy, HĐXX giao cháu Chu Văn L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chị Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/ tháng, kể từ tháng 10/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Y có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Y phải chịu toàn bộ án ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147; 227, 238, 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Y đối với Anh Chu Văn H. Chị Y được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Giao con chung là Chu Văn L, sinh ngày 05/01/2016 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/ tháng, kể từ tháng 10/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Y có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Y phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0021714 ngày 01/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND quận B
- Chi cục THADS quận B
- Đương sự

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Tuyết